

Số: 50 /TB-CTHADS

Thanh Bình, ngày 22 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án dân sự

Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Bản án số 10/DSST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định Thi hành án số 54/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 10 năm 2020; số 1267/QĐ-CCTHADS ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ Quốc lộ 30, khóm Tân Đông B, Thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, điện thoại: 02773 833 976, 038 678 5010;

Thông báo công khai về việc lựa chọn Tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án như sau:

Tài sản yêu cầu thẩm định giá là của người phải thi hành án: Ông Đinh Văn Siếp, sinh năm 1972; bà Trần Thị Lệ Thu, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp Tân Phong, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp;

1. Tài sản yêu cầu thẩm định giá:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bị kê biên gồm:

1.1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU102855, số vào sổ cấp GCN: CH01642 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp ngày 02/12/2014 cho ông Đinh Văn Siếp thửa 1032, 1211:

- Quyền sử dụng đất thửa số 1032, tờ bản đồ số 02, diện tích trong giấy 4657m², đất lúa (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa 81, 106:

+ Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.255,6m², diện tích thực đo 2255,6m², đất lúa (một phần thửa 1032).

+ Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 15, diện tích 2283,5m², diện tích thực đo 2283,5m², đất lúa (một phần thửa 1032).

- Quyền sử dụng đất thửa số 1211, tờ bản đồ số 02, diện tích trong giấy 6410 m², đất lúa (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa 103, 109, 116, 127:

+ Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 16, diện tích 2013m², diện tích thực đo 2013m², đất lúa (một phần thửa 1211).

+ Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, diện tích 1879,1m², diện tích thực đo 1879,1m², đất lúa (một phần thửa 1211)



+ Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 16, diện tích 2120,4m², diện tích thực đo 2120,4m², đất lúa (một phần thửa 1211).

+ Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16, diện tích 709,6m², diện tích thực đo 709,6m², đất lúa (một phần thửa 1211).

1.2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU082685, số vào sổ cấp GCN: CH01698 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp ngày 05/02/2015 cho ông Đinh Văn Siếp thửa 1205:

- Quyền sử dụng đất thửa số 1205, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.450 m², đất lúa (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 133, tờ bản đồ số 16, diện tích 1356,3m², diện tích thực đo 1356,3m², đất lúa;

1.3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU102879, số vào sổ cấp GCN: CH01646 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp ngày 04/12/2014 cho bà Trần Thị Lệ Thu thửa 1513, 1504, 1413:

- Quyền sử dụng đất thửa số 1513, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.110m², đất trồng cây lâu năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 113, tờ bản đồ số 23, diện tích 1187,1m², diện tích thực đo 1187,1m², đất CLN;

- Quyền sử dụng đất thửa số 1504, tờ bản đồ số 03, diện tích 408 m², đất trồng cây lâu năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa 73, 94, 95:

+ Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 59, diện tích 358,1m², diện tích thực đo 358,1 m², đất trồng cây lâu năm (một phần thửa 1504).

+ Thửa 73, thửa 95 đất gò mả không kê biên xử lý (một phần thửa 1504)

- Quyền sử dụng đất thửa số thửa 1413, tờ bản đồ số 03, diện tích 174 m², đất trồng cây lâu năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 171, tờ bản đồ số 22, diện tích 133,6m², diện tích thực đo 133,6m², đất trồng cây lâu năm.

1.4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU102880, số vào sổ cấp GCN: CH01643 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp ngày 04/12/2014 cho bà Trần Thị Lệ Thu thửa 1474, 1495:

- Quyền sử dụng đất thửa 1474, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.410 m², đất trồng cây hàng năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy là thửa 91, 33:

+ Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 59, diện tích 629,3m², diện tích thực đo 629,3 m², đất trồng cây hàng năm (một phần thửa 1474).

+ Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 62, diện tích 771,6m², diện tích thực đo 771,6 m², đất trồng cây hàng năm (một phần thửa 1474).

- Quyền sử dụng đất thửa 1495, tờ bản đồ số 03, diện tích 990 m², đất trồng cây hàng năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 55, tờ bản đồ số 59, diện tích 979m², diện tích thực đo 979 m², đất trồng cây hàng năm.

1.5 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU102878, số vào sổ cấp GCN: CH01645 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp ngày 04/12/2014 cho bà Trần Thị Lệ Thu thửa 1593, 1412, 1596:

- Quyền sử dụng đất thửa 1593, tờ bản đồ số 03, diện tích 667 m², đất trồng cây hàng năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy

thửa 228, tờ bản đồ số 22, diện tích 767m², diện tích thực đo 767m², đất trồng cây hàng năm.

- Quyền sử dụng đất thửa 1412, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.044 m², đất trồng cây hàng năm (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 201, tờ bản đồ số 22; diện tích 1072,6m², diện tích thực đo 1072,6m², đất trồng cây hàng năm.

- Quyền sử dụng đất thửa 1596, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.044 m², đất trồng cây hàng năm khác (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 254, tờ bản đồ số 22, diện tích 288,4m², diện tích thực đo 288,4m², đất trồng cây hàng năm.

1.6 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BU102881, số vào sổ cấp GCN: CH01644 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp ngày 04/12/2014, bà Trần Thị Lệ Thu thửa 1450:

- Quyền sử dụng đất thửa 1450, tờ bản đồ số 03, diện tích 402 m², đất ở nông thôn (bản đồ 299) đối chiếu sang bản đồ địa chính chính quy thửa 65, 140:

+ Thửa đất số 65 không kê biên xử lý (một phần thửa 1450).

+ Thửa đất số 140, tờ bản đồ số 62, diện tích 191,5m², diện tích thực đo 191,5 m², đất ở nông thôn (một phần thửa 1450).

Đất tọa lạc tại xã Tân Huệ, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Các yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định giá:

2.1. Là Tổ chức thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

2.2. Mức giá dịch vụ thẩm định giá rõ ràng, công khai được nêu rõ khi nộp hồ sơ tham gia thẩm định giá (*Kèm theo biểu giá dịch vụ thẩm định giá của Doanh nghiệp đã được niêm yết công khai theo quy định*).

2.3. Có kế hoạch để tổ chức thẩm định giá (*Thời gian thực hiện, ban hành chứng thư*).

2.4. Có phương án giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá; giải trình, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định giá và các thông tin cần thiết khác.

3. Thời hạn nộp hồ sơ:

Chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, Công thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá.

4. Thành phần hồ sơ:

Văn bản tham gia ký Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá tài sản; hồ sơ năng lực của Tổ chức thẩm định giá; biểu phí thẩm định; hồ sơ đã thẩm định tài sản cùng loại với tài sản kê biên.

5. Hình thức nộp hồ sơ:

Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.



Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với Tổ chức thẩm định giá không được lựa chọn.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp thông báo để các Tổ chức thẩm định giá tài sản đáp ứng đủ điều kiện được biết và nộp hồ sơ đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (để đăng tải);
- Phòng NV (để theo dõi);
- Lưu: VT; HSTHA (CHV).



Nguyễn Văn Hiền